TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 4 năm 2026
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Quang Dự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trung Tính và Ông: Nguyễn Vũ Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 208/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025, về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2026; giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị Q, sinh ngày 21/11/1983 - Có mặt

Căn cước số: 017183001xxx

Nơi cư trú: Xóm Hạ S, xã Mường Đ, tỉnh Phú Thọ

- *Bị đơn:* Anh Triệu Như V, sinh ngày 01/10/1982 - Vắng mặt

Căn cước số: 017082010xxx

Nơi cư trú: Xóm Hạ S, xã Mường Đ, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2025 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Triệu Thị Q trình bày và yêu cầu như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và anh Triệu Như V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29/01/2001 tại UBND xã Tú S, huyện K, tỉnh Hòa Bình (cũ), trong quá trình chung sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2010 anh V thường xuyên rượu chè, cờ bạc không quan tâm đến gia đình mặc dù tôi can ngăn và nhường nhịn, nhưng anh V không thay đổi ngày càng lêu lổng, không chịu làm ăn nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc do vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh Triệu Như V;

- *Về con chung:* Có 02 con chung Triệu Quang H, sinh ngày 29/3/2003; Triệu Kim Ng, sinh ngày 20/9/2007 đều đã thành niên phát triển bình thường, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con;

- *Tài sản, công nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với anh Triệu Như V:*

- Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh Triệu Như V hợp lệ, nhưng anh không có ý kiến gì về việc chị Triệu Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh; ý kiến về con chung; ý kiến về tài sản, công nợ chung.

Tại phiên tòa chị Triệu Thị Q giữ nguyên các yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Anh Triệu Như V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục Tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã đảm bảo được thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71; đối với bị đơn không tuân theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

+ Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/216 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử *(HĐXX)* chấp nhận đơn khởi kiện của chị Triệu Thị Q. Xử cho chị Triệu Thị Q được ly hôn anh Triệu Như V; Về con chung: Xác nhận có 02 con chung Triệu Quang H, sinh ngày 29/3/2003; Triệu Kim Ng, sinh ngày 20/9/2007 đều đã thành niên phát triển bình thường nên không đề cập về cấp người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, công nợ chung: Không có nên không đề cập; Về án phí chị Triệu Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định như sau:

[1] *Căn cứ áp dụng luật Tố tụng:* Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, bị đơn là anh Triệu Như V hiện đang cư trú tại xã Mường Đ, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13, tỉnh Phú Thọ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, anh Triệu Như V đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không có lý do. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Căn cứ áp dụng luật nội dung:* Quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn hợp pháp, nên áp dụng Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[3] *Nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:*

+ Đối với yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị Q: Sau kết hôn từ năm 2010 do anh V thường xuyên rượu chè, cờ bạc không quan tâm đến gia đình mặc dù chị Q đã can ngăn, nhường nhịn nhưng anh V không thay đổi, ngày càng lêu lổng, không chịu làm ăn nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên từ năm 2017 đến thời điểm chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh Triệu Như V.

+ Đối với anh Triệu Như V: Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh V hợp lệ, nhưng anh không có ý kiến gì về việc chị Triệu Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh; ý kiến về con chung; ý kiến về tài sản, công nợ chung.

Kết quả xác minh tại nơi cư trú, vợ chồng anh, chị mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì đoàn thể nơi cư trú không biết, chỉ biết anh chị có mâu thuận và sống ly thân nhau, do anh chị không đề nghị đoàn thể hòa giải. Xác minh người thân của anh V, quá trình chung sống chị Q và anh V không hợp nhau, nên thường xuyên mâu thuẫn, do anh V hay ăn tiêu quá mức, vợ chồng chị đã sống ly thân gần 10 năm nay.

Tại phiên Tòa chị Triệu Thị Q vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh Triệu Như V. HĐXX nhận thấy theo lời trình bày của chị thì mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được. Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị Q là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị, xử cho triệu Thị Q được ly hôn anh Triệu Như V, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung Triệu Quang H, sinh ngày 29/3/2003; Triệu Kim Ng, sinh ngày 20/9/2007 đều đã thành niên phát triển bình thường, nên HĐXX không xem xét về giao con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Không có, không yêu câu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị Triệu Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/216 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/216 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. **Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị Q.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị Q được ly hôn anh Triệu Như V.

- *Về con chung:* Xác nhận có 02 con chung là Triệu Quang H, sinh ngày 29/3/2003 và Triệu Kim Ng, sinh ngày 20/9/2007 đều đã thành niên, phát triển bình thường.

- *Tài sản, công nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Án phí: Chị Triệu Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0003589 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 13 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Quang Dự